

Thông Nông, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐỒNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn*: Trương Thị X, sinh ngày 22/12/1992.

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Hoàng Văn S, sinh ngày 09/7/1991.

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị X và anh Hoàng Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đồng sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị X và anh Hoàng Văn S.

2.2. *Về con chung*: Chị X và anh S đều xác nhận có 02 ng-ời con chung, cháu cả tên là Hoàng Thế N (sinh ngày 27 tháng 10 năm 2010), cháu thứ hai tên là Hoàng Văn L (sinh ngày 07 tháng 01 năm 2013). Hiện nay cả hai cháu vẫn đang sống chung với chị X, anh S, tại: Xóm L, thị trấn T, huyện T, tỉnh C. Sau khi ly hôn chị X trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thế N (sinh ngày 27 tháng 10 năm 2010) đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Hoàng Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn L (sinh ngày 07 tháng 01 năm 2013) đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị X và anh S có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về việc chia tài sản:* Tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung chị X và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Hai bên thỏa thuận chị X chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ, được trừ từ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0000533 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thông Nông. Chị X được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thông Nông;
- Các đ-ơng sự;
- UBND thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện Thông Nông;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Thanh